

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



## KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

# HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HÀ NỘI, 12/2024

<b>VẤN ĐỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....</b>	<b>317</b>
TS. Nguyễn Hồng Sơn	
<b>QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ.....</b>	<b>327</b>
PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hiếu, TS. Nguyễn Hoàng	
<b>TÁC ĐỘNG BẤT ĐỐI XỨNG CỦA CHẤT LƯỢNG THỂ CHẾ ĐẾN DOANH THU DU LỊCH: NGHIÊN CỨU TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN ASEAN.....</b>	<b>334</b>
Nguyễn Thanh Hằng, Nguyễn Thị Minh Ngọc,	
Bùi Diệu Anh, Đinh Thị Ánh Tuyết, Trần Huyền Thương	
<b>GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ AN SINH XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY.....</b>	<b>349</b>
TS. Nguyễn Thị Thắm	
<b>VAI TRÒ CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRONG VIỆC CẢI THIỆN BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP, HƯỚNG TỚI HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>358</b>
Trần Thúy Hiền, Ninh Nguyễn Trúc Lam, Đỗ Phương Linh	
Võ Minh Châu, Nguyễn Mạnh Thế, Hoàng Thị Lan Hương	
<b>THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM: TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN.....</b>	<b>371</b>
TS. Nguyễn Thị Lê Thu	
<b>GÓP PHẦN HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ.....</b>	<b>381</b>
TS. Phan Văn Thành, NCS, ThS. Đặng Chí Công	
<b>THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THÁO GỖ ĐIỂM NGHẼN TRONG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>390</b>
TS. Nguyễn Văn Đạo	
<b>XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUA CÁC KỶ ĐẠI HỘI ĐẢNG.....</b>	<b>402</b>
TS. Nguyễn Chí Thiện	



# TÁC ĐỘNG BẤT ĐỐI XỨNG CỦA CHẤT LƯỢNG THẺ CHẾ ĐẾN DOANH THU DU LỊCH: NGHIÊN CỨU TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN ASEAN

*Nguyễn Thanh Hằng, Nguyễn Thị Minh Ngọc,  
Bùi Diệu Anh, Đinh Thị Ánh Tuyết, Trần Huyền Thương<sup>1</sup>  
Đại học Kinh tế Quốc dân*

**Tóm tắt:** Nghiên cứu nhằm đánh giá tác động bất đối xứng của chất lượng thẻ chế đến doanh thu du lịch tại 10 quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2002 – 2022 thông qua 6 Chỉ số Quản trị Toàn cầu (WGI) của Ngân hàng Thế giới. Những nghiên cứu trước cho thấy việc cải thiện chất lượng thẻ chế tạo thuận lợi phát triển doanh thu du lịch. Tuy nhiên, việc bỏ qua các phi tuyến tính nội tại có thể dẫn đến suy luận sai lệch. Vì vậy, nghiên cứu này đã sử dụng mô hình tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến (NARDL) và cho ra kết quả doanh thu du lịch phản ứng bất đối xứng với sự thay đổi của 4/6 chỉ số. Trong khi hiệu quả chính phủ, kiểm soát tham nhũng, ổn định chính trị và không có bạo lực, tiếng nói và trách nhiệm giải trình có tác động phi tuyến tính đến doanh thu du lịch, trái với dự đoán, chất lượng lập pháp và chất lượng hành pháp lại ghi nhận tác động không đáng kể. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị giúp chính phủ và nhà hoạch định chính sách ở các nước thành viên ASEAN đưa ra các chính sách ngắn hạn và dài hạn nhằm cải thiện khuôn khổ thẻ chế trong khu vực và kế hoạch phát triển chiến lược du lịch phù hợp hơn.

**Từ khóa:** Bất đối xứng, chất lượng thẻ chế, doanh thu du lịch, NARDL.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch cùng với vai trò của nó trong các nền kinh tế đã được đề cập thông qua nhiều nghiên cứu như nghiên cứu của Nikolaos Dritsakis (2012, tr.801), Ding Du và cộng sự (2014, tr.454), María del P.Pablo-Romero (2013, tr.28). Ngoài đóng vai trò như động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế nói chung, du lịch còn giữ vị trí quan trọng trong việc thực hiện các chiến lược du lịch bền vững tại khu vực Đông Nam Á và các quốc gia thành viên (Yulinda Nurul Aini, 2024, tr.157).

Tiếp giáp giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, Đông Nam Á là khu vực cầu nối giữa các châu lục và quốc gia trên thế giới. Vì vậy, ngành du lịch tại khu vực trở thành một trong những điểm đến sôi động nhất và ngày càng tăng trưởng mạnh mẽ. Đông Nam Á còn được World Economic Forum (2022) mệnh danh là một trong những điểm đến du lịch thân thiện nhất. Lượng khách du lịch hằng năm ước tính đạt 125.78 triệu, phản ánh mức tăng trưởng 65,9%, tương đương khoảng 82,99 triệu khách du lịch

---

<sup>1</sup> Sinh viên, email: Nthanhhangqb@gmail.com



# TÁC ĐỘNG BẤT ĐỐI XỨNG CỦA CHẤT LƯỢNG THẺ CHẾ ĐẾN DOANH THU DU LỊCH: NGHIÊN CỨU TẠI CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN ASEAN

*Nguyễn Thanh Hằng, Nguyễn Thị Minh Ngọc,  
Bùi Diệu Anh, Đinh Thị Ánh Tuyết, Trần Huyền Thương<sup>1</sup>*

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

**Tóm tắt:** Nghiên cứu nhằm đánh giá tác động bất đối xứng của chất lượng thẻ chế đến doanh thu du lịch tại 10 quốc gia Đông Nam Á giai đoạn 2002 – 2022 thông qua 6 Chỉ số Quản trị Toàn cầu (WGI) của Ngân hàng Thế giới. Những nghiên cứu trước cho thấy việc cải thiện chất lượng thẻ chế tạo thuận lợi phát triển doanh thu du lịch. Tuy nhiên, việc bỏ qua các phi tuyến tính nội tại có thể dẫn đến suy luận sai lệch. Vì vậy, nghiên cứu này đã sử dụng mô hình tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến (NARDL) và cho ra kết quả doanh thu du lịch phản ứng bất đối xứng với sự thay đổi của 4/6 chỉ số. Trong khi hiệu quả chính phủ, kiểm soát tham nhũng, ổn định chính trị và không có bạo lực, tiếng nói và trách nhiệm giải trình có tác động phi tuyến tính đến doanh thu du lịch, trái với dự đoán, chất lượng lập pháp và chất lượng hành pháp lại ghi nhận tác động không đáng kể. Từ đó, đề xuất một số kiến nghị giúp chính phủ và nhà hoạch định chính sách ở các nước thành viên ASEAN đưa ra các chính sách ngắn hạn và dài hạn nhằm cải thiện khuôn khổ thẻ chế trong khu vực và kế hoạch phát triển chiến lược du lịch phù hợp hơn.

**Từ khóa:** *Bất đối xứng, chất lượng thẻ chế, doanh thu du lịch, NARDL.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch cùng với vai trò của nó trong các nền kinh tế đã được đề cập thông qua nhiều nghiên cứu như nghiên cứu của Nikolaos Dritsakis (2012, tr.801), Ding Du và cộng sự (2014, tr.454), Maria del P.Pablo-Romero (2013, tr.28). Ngoài đóng vai trò như động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế nói chung, du lịch còn giữ vị trí quan trọng trong việc thực hiện các chiến lược du lịch bền vững tại khu vực Đông Nam Á và các quốc gia thành viên (Yulinda Nurul Aini, 2024, tr.157).

Tiếp giáp giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, Đông Nam Á là khu vực cầu nối giữa các châu lục và quốc gia trên thế giới. Vì vậy, ngành du lịch tại khu vực trở thành một trong những điểm đến sôi động nhất và ngày càng tăng trưởng mạnh mẽ. Đông Nam Á còn được World Economic Forum (2022) mệnh danh là một trong những điểm đến du lịch thân thiện nhất. Lượng khách du lịch hàng năm ước tính đạt 125.78 triệu, phản ánh mức tăng trưởng 65,9%, tương đương khoảng 82,99 triệu khách du lịch

<sup>1</sup> Sinh viên, email: Nthanhhangqb@gmail.com



nước ngoài (WTTC, 2019). Khách du lịch đổ về khu vực Đông Nam Á tăng dần theo từng năm, riêng hai quốc gia Thái Lan và Malaysia luôn giữ vững vị trí thu hút lượng khách du lịch lớn nhất khu vực từ những năm đầu thế kỷ 21. Ngược lại thì các quốc gia như Lào, Campuchia và Myanmar không cho thấy được thế mạnh trong thu hút khách du lịch. Sự chênh lệch này có thể đến từ nhiều nguyên nhân như hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài, thương mại quốc tế và chất lượng thể chế, trong đó nhân tố về yếu tố ổn định thể chế trong nước có tác động rõ rệt lên sự thay đổi của hoạt động du lịch cả trong ngắn hạn và dài hạn (Oyebanji J. Ibitoye, 2023, tr.6). Ngoài ra, sự bất ổn chính trị cũng chính là nguyên nhân gây ra sự sụt giảm trong cầu du lịch dù là điểm đến di sản đã được UNESCO công nhận (Yap và cộng sự, 2013, tr.587).

Trong nửa đầu năm 2023, có khoảng 46,5 triệu du khách đã đến Đông Nam Á, trong đó khoảng 43% đến từ khu vực, khiến việc đạt được mức trước đại dịch là 143,6 triệu lượt khách vào cuối năm trở thành một nhiệm vụ đầy thách thức. Trong năm 2023, toàn Châu Á đã đạt 73,2% lượng khách đến trước đại dịch (năm 2019) và 77,1% doanh thu. Sự phục hồi nhanh hơn nhiều so với năm 2022, khi lượng khách du lịch đạt 28,8% và doanh thu đạt 36,5% so với mức năm 2019. Tuy nhiên, sự phục hồi du lịch của Châu Á vẫn chậm hơn các khu vực khác như Trung Đông đã phục hồi 108,7% lượng khách du lịch hay Châu Âu đã thu được 117,6% doanh thu du lịch trước đại dịch vào năm 2023. Có một số lý do cho sự chênh lệch này: các nền kinh tế tại Châu Á trong đó có khu vực ASEAN đã áp dụng một số hạn chế đi lại chặt chẽ nhất từ năm 2020 đến năm 2022 cùng với các điều kiện kinh tế vĩ mô và yếu tố chính trị đã khiến khách du lịch tiềm năng phải cân nhắc kỹ trước khi đi du lịch.

Mặc dù các nghiên cứu trước đây đã khẳng định vai trò quan trọng của chất lượng thể chế đối với sự phát triển kinh tế và tài chính (Huỳnh Nguyễn Mai Trâm, 2022, tr.23-35), cũng như ngành du lịch (Claudio Detotto và cộng sự, 2021, tr.6). Phần lớn các nghiên cứu này vẫn tập trung vào mối quan hệ tuyến tính, dẫn đến một hạn chế lớn khi chưa xem xét khả năng tồn tại của các tác động bất đối xứng. Điều này có nghĩa là tác động tích cực và tiêu cực của chất lượng thể chế lên doanh thu du lịch có thể khác nhau về cường độ và thời gian. Đặc biệt, trong khu vực ASEAN, nơi có sự đa dạng về thể chế và chất lượng quản trị giữa các quốc gia, vẫn chưa có nhiều nghiên cứu liên quốc gia phân tích sâu về sự khác biệt này. Vì vậy, bài nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu đánh giá tác động phi tuyến tính của chất lượng thể chế đến doanh thu du lịch ở 10 quốc gia thành viên ASEAN thông qua phương pháp tự hồi quy phân phối trễ phi tuyến (NARDL) trên dữ liệu bảng. Đồng thời, cung cấp các hàm ý chính sách hữu ích hướng đến phát triển du lịch bền vững, đóng góp vào việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) và Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN 2025, trong bối cảnh phục hồi du lịch sau đại dịch Covid-19.



## **2. NỘI DUNG**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tình hình nghiên cứu**

#### **2.1.1 Cơ sở lý thuyết về thể chế và chất lượng thể chế**

Thể chế được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào góc độ nghiên cứu như kinh tế hay chính trị - xã hội. Schotter (1981) cho rằng thể chế là sự nhất quán trong giao tiếp, hành xử xã hội mà mọi thành phần trong xã hội đều tôn trọng và tuân theo, có thể là các quy tắc, phong tục văn hoá, tín ngưỡng, hoặc theo Dixit (2004), thể chế cũng có thể là các chính sách, quy định do con người ban hành. Tuy nhiên khái niệm thường dùng nhất khi đề cập đến thể chế được hiểu là quy tắc của các trò chơi trong xã hội - những quy tắc ràng buộc để điều chỉnh, định hình những hành vi giao dịch giữa con người với nhau nhằm làm giảm thiểu các nguy cơ, bất trắc trong hoạt động hằng ngày (North, 1990).

Chất lượng thể chế được thể hiện thông qua mức độ hoàn thiện và hiệu quả của những chính sách, quy định nhằm điều chỉnh các mối quan hệ giữa các cá nhân trong mỗi quốc gia, lãnh thổ. Ngoài ra, chất lượng thể chế còn phản ánh được bản chất và trình độ phát triển hệ thống chính trị tại quốc gia đó.

Để đo lường được chất lượng thể chế của các quốc gia, nhiều nghiên cứu đã thông qua Chỉ số quản trị thể chế toàn cầu (Worldwide Governance Indicators – WGI) để làm điều này. Đây được xem là bộ chỉ số toàn diện được công nhận và sử dụng phổ biến nhất hiện nay. Chỉ số này do Ngân hàng Thế giới công bố từ năm 1996 và được cập nhật hằng năm kể từ năm 2002. Cụ thể, chỉ số này đo lường sáu khía cạnh chính bao gồm: “Kiểm soát tham nhũng; Hiệu quả của chính phủ; Ổn định chính trị và không bạo lực; Chất lượng lập pháp; Chất lượng hành pháp; Tiếng nói và trách nhiệm giải trình”, được đánh giá theo thang đo từ -2,5 đến + 2,5. Bài nghiên cứu sử dụng bộ chỉ số này để đo lường chất lượng thể chế.

#### **2.1.2 Tổng quan nghiên cứu**

Trong những năm gần đây, các yếu tố quyết định nhu cầu du lịch đã thu hút sự chú ý mạnh mẽ bởi ảnh hưởng sâu rộng của chúng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội trong nền kinh tế du lịch, mối quan hệ này được khẳng định cả trong lý thuyết và thực tiễn.

Theo nhiều nghiên cứu, chất lượng thể chế và quản lý yếu kém sẽ tạo điều kiện cho nạn tham nhũng trong ngành du lịch và khả năng biến thủ doanh thu từ du lịch; do đó doanh thu du lịch không được sử dụng để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế hoặc bất kỳ mục đích nào khác có khả năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dựa trên mô hình nghiên cứu của Adedoyin, F. F., Erum, N., & Bekun, F. V. (2022, tr.1311). Tuy nhiên, một số nghiên cứu như của Yap và Saha (2015, tr.272) lại chỉ ra rằng tham nhũng không nhất thiết luôn có tác động tiêu cực đến du lịch, tham nhũng khuyến khích du



khách đến các quốc gia có nền di sản lịch sử và thiên nhiên nổi bật. Tham nhũng có thể có cả tác động tích cực và tiêu cực đối với nhu cầu du lịch, tùy thuộc vào mức độ tham nhũng, các chiến lược quản lý và chính sách của từng quốc gia.

Chất lượng thể chế đóng vai trò quan trọng đối với doanh thu du lịch cụ thể là pháp luật đóng vai trò quan trọng trong cuộc chiến chống tham nhũng, pháp luật yếu dẫn đến mức độ tham nhũng cao không còn mới (Leff, 1964, tr.8). Liên hợp quốc cho rằng pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành du lịch của mỗi quốc gia. Gozgor và cộng sự (2019, tr.24) đã phát hiện ra tác động tích cực của chất lượng hệ thống pháp luật và bảo vệ quyền sở hữu đối với du lịch tại 152 quốc gia trong giai đoạn 1995–2015. Tuy nhiên, Romania, Coros và Lupu (2015, tr.395) phát hiện ra rằng khuôn khổ pháp lý điều chỉnh ngành du lịch và lễ hành cản trở sự phát triển của ngành này thay vì thúc đẩy nó.

Tang (2018, tr.1000) nghiên cứu về tác động của sự quản lý của chính phủ và thể chế đến nhu cầu du lịch trong nước, các nhà hoạch định chính sách cho rằng cần cải thiện chất lượng quản trị và thể chế tại Malaysia, vì quản trị và thể chế tốt hơn được cho là sẽ tăng lượng khách du lịch. Các nghiên cứu cho thấy chỉ số hiệu quả chính phủ có tác động đáng kể đối với nhu cầu du lịch. Tóm lại, sự tiến bộ về mặt thể chế không chỉ làm tăng khối lượng du lịch trong nước mà còn nâng cao phúc lợi của người dân và xã hội tại điểm đến.

Hall và O'Sullivan (1996, tr.105) lập luận các thể chế ở khía cạnh nhận thức về bất ổn chính trị và bạo lực rằng lượng khách du lịch đến thăm bị ảnh hưởng sâu sắc bởi nhận thức đó, họ cho rằng tình trạng bất ổn chính trị kéo dài có thể ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức của khách du lịch về các điểm đến và khu vực lân cận bị ảnh hưởng. Các cuộc biểu tình bạo lực, bất ổn xã hội, nội chiến, hành động của khách du lịch, các vi phạm nhân quyền được nhận thức hoặc các mối đe dọa được nhận thức đối với các hoạt động này đều có thể góp phần khiến khách du lịch thay đổi hành vi của họ. Bên cạnh các yếu tố thể chế, hình ảnh điểm đến xây dựng thương hiệu (Shams, 2016a, tr.140) và năng lực của các bên liên quan chủ nhà (Shams, 2016b, 2016c, 2017, tr.671, tr.139, tr.376) cũng là các yếu tố quyết định quan trọng mà khách du lịch cân nhắc. Khi một chế độ bị thách thức về tính chính đáng chính trị từ bên ngoài hệ thống chính trị, cường độ của thách thức sẽ tăng lên và gây ra bạo lực và hỗn loạn công cộng nếu chính phủ không thực hiện các nghị quyết chung (Neumayer, 2004, tr.259).

Xem xét về ảnh hưởng của tiếng nói và trách nhiệm giải trình, tại mức chỉ số cao hơn, cho thấy sự tham gia tốt hơn của công dân và tính minh bạch của chính phủ, thường hỗ trợ tăng trưởng kinh tế tốt hơn. Lượng khách du lịch có nhiều khả năng đến thăm các quốc gia có thể chế minh bạch và đảm bảo quyền của công dân, Khandaker và Islam (2017, tr.389) chứng minh rằng chỉ số này có mối quan hệ tương quan tích



cực đến thu nhập từ du lịch; Muhammad Asif Khan (2020, tr.1223) cũng phát hiện mức độ trách nhiệm cao hơn tương quan với nhận thức của khách du lịch về an ninh quốc gia điểm đến, yếu tố mà có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định của họ. Tuy nhiên, nghiên cứu tại khu vực Trung Đông - Bắc Phi (MENA) lại chứng minh tác động đối với GDP được phát hiện là rất nhỏ so với các yếu tố khác như hiệu quả của chính phủ và chất lượng quản lý (Emara & Chiu, 2016, tr.34). Tương tự, chỉ số này cũng cho thấy tác động ngược chiều đối với phát triển kinh tế thông qua thu hút FDI tại các quốc gia BRICS (Jadhav, P., 2012, tr.5).

Nhìn chung, mặc dù rõ ràng chất lượng thể chế có tác động sâu sắc và đa chiều đến du lịch, các nghiên cứu về mối quan hệ này, đặc biệt sử dụng phương pháp NARDL, vẫn còn hạn chế. Xây dựng chất lượng thể chế tốt không chỉ thúc đẩy doanh thu du lịch mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế thông qua việc nâng cao trải nghiệm du khách và sự ổn định xã hội tại điểm đến.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu và số liệu**

### **2.2.1 Số liệu**

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ 2002 đến 2022 tại 10 quốc gia Đông Nam Á bao gồm: Việt Nam, Thái Lan, Lào, Malaysia, Indonesia, Philippines, Brunei, Singapore, Campuchia và Myanmar. Bài nghiên cứu bao gồm các biến: Doanh thu du lịch quốc tế là biến phụ thuộc được thu thập từ Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO), biến độc lập là chất lượng thể chế bao gồm 6 chỉ số được thu thập từ Chỉ số quản trị thể chế toàn cầu (WGI) của Ngân hàng Thế giới (WB). Theo Demir và cộng sự (2019, tr.2550), khi xem xét tác động của quyền tự do báo chí đối với du lịch trong nước đã chọn lọc ra những biến kiểm soát có thể đánh giá tác động ý nghĩa của chất lượng thể chế đến du lịch. Từ đó, nhóm tác giả lựa chọn các biến kiểm soát là Tỷ giá hối đoái thực (REER) được thu thập từ cơ sở dữ liệu của Bruegel, cung cấp thông tin về REER cho 178 quốc gia và khu vực, được tính toán dựa trên Chỉ số giá tiêu dùng (CPI).

Ngoài ra, các biến kiểm soát là Thương mại quốc tế được thu thập tại báo cáo của International Trade Statistics của WTO cung cấp. Số liệu Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP) cũng được thu thập từ Ngân hàng thế giới, đảm bảo tính đồng nhất và đáng tin cậy cho quá trình phân tích nghiên cứu. Bộ dữ liệu này cho phép đánh giá toàn diện mối quan hệ giữa chất lượng thể chế, các yếu tố kinh tế vĩ mô và hiệu quả kinh tế của ngành du lịch trong khu vực 10 nước Đông Nam Á.

### **2.2.2 Mô tả các biến số**

Bảng 1 và Bảng 2 cung cấp thông tin chi tiết về các biến được dùng trong khuôn khổ nghiên cứu, cụ thể:



**Bảng 1: Tổng hợp các biến trong nghiên cứu**

<b>Biến</b>	<b>Kí hiệu</b>	<b>Đo lường</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Nghiên cứu trước</b>
<b>Biến phụ thuộc</b>				
Doanh thu du lịch (International Tourism Receipts)	lnITR	Logarit của tổng chi tiêu của du khách quốc tế khi đến nước sở tại, bao gồm các khoản chi cho dịch vụ tại điểm đến, vận tải quốc gia, các khoản trả trước, và chi tiêu của khách tham quan trong ngày.	Logarit	Khan, M. A. & cộng sự (2020, tr.1223)
<b>Biến độc lập</b>				
Chỉ số kiểm soát tham nhũng (Control Of Corruption)	CC	Đo lường dựa trên tình hình chính phủ kiểm soát, ngăn chặn, phát hiện và xử phạt tham nhũng, tham ô.	Đơn vị	Mushtaq, R., Thoker, A. A., & Bhat, A. A. (2021, tr.622)
Chỉ số hiệu quả chính phủ (Government Effectiveness)	GE	Đánh giá dựa trên chất lượng của các dịch vụ công và công vụ, sự tách biệt của chúng với yếu tố chính trị.	Đơn vị	Mushtaq, R., Thoker, A. A., & Bhat, A. A. (2021, tr.622)
Chỉ số ổn định chính trị và không có bạo lực (Political Stability & Absence Of Violence)	PV	Đánh giá nhận thức về khả năng xảy ra bất ổn chính trị và bạo lực trong một quốc gia, bao gồm khủng bố.	Đơn vị	Mushtaq, R., Thoker, A. A., & Bhat, A. A. (2021, tr.622)
Chỉ số chất lượng lập pháp (Regulatory Quality)	RQ	Đo lường dựa trên khả năng của Chính phủ để có thể ban hành được các chính sách, điều luật tốt cho sự phát triển của người dân và doanh nghiệp tư nhân.	Đơn vị	Mushtaq, R., Thoker, A. A., & Bhat, A. A. (2021, tr.622)
Chỉ số chất	RL	Đo lường dựa trên sự tuân thủ	Đơn vị	Mushtaq, R.,



lượng hành pháp (Rule Of Law)		pháp luật và sự nghiêm minh trong thi hành pháp luật của cơ quan chính phủ.		Thoker, A. A., & Bhat, A. A. (2021, tr.622)
Chỉ số tiếng nói và trách nhiệm giải trình (Voice & Accountability)	VA	Đánh giá dựa trên quyền lợi của người dân và việc tự chọn bộ máy chính phủ của mình.	Đơn vị	Mushtaq, R., Thoker, A. A., & Bhat, A. A. (2021, tr.622)
<b>Biến kiểm soát</b>				
Tỷ giá hối đoái (Real Effective Exchange Rate)	lnREER	Logarit của tỷ giá hối đoái thực đa phương thực tế.	Logarit	Khan, M. A. & cộng sự (2020, tr.1223) Demir và cộng sự (2019, tr.2550)
Thương mại quốc tế (International Trade)	lnTrade	Logarit của thương mại quốc tế, đo lường bằng các chỉ số thương mại như giá trị xuất nhập khẩu (USD), khối lượng hàng hóa (tấn) và chỉ số giá thương mại.	Logarit	Khan, M. A. & cộng sự (2020) Demir và cộng sự (2019, tr.2550)
Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (Gross Domestic Product Per Capita)	lnGDP	Logarit của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) theo giá thị trường hiện tại (USD) chia cho tổng dân số.	Logarit	Khan, M. A. & cộng sự (2020) Demir & cộng sự (2019, tr.2550) Fabro, G., & Aixalá, J. (2009, tr.997)



**Bảng 2: Thống kê mô tả các biến trong nghiên cứu**

Biến	Số lượng quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị tối thiểu	Giá trị tối đa	Độ nhọn
lnITR	210	21.54006	2.039592	13.81551	24.88793	3.327284
CC	210	-0.2709893	1.001112	-1.672809	2.301146	3.8724
GE	210	0.1170905	1.0152	-1.684041	2.46966	2.669085
PV	210	-0.1488341	0.9316254	-2.211743	1.599123	2.090163
RQ	210	-0.0329794	1.00401	-2.348573	2.252235	3.120308
RL	210	-0.2161554	0.8917317	-1.736289	1.837814	2.849287
VA	210	-0.7623062	0.6805365	-2.233271	0.3215166	1.929062
lnREER	210	4.689057	0.1634724	4.325456	5.092351	2.702621
lnTrade	210	10.54676	1.812228	5.70711	13.15348	2.18317
lnGDP	210	8.243267	1.589055	4.982356	17.49011	7.175176

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả*

Nghiên cứu này sử dụng mô hình NARDL phi tuyến tính, được phát triển bởi Shin và cộng sự (2014, tr.281). Mô hình được đề xuất cách tiếp cận ngưỡng đơn (single-threshold), trong đó, biến độc lập được phân tách thành 2 cấu thành tổng từng phần âm và dương. Sau khi tiến hành kiểm định nghiệm đơn vị cho thấy các chuỗi dừng ở sai phân bậc 1, nhóm tác giả sử dụng mô hình NARDL để xác định mối liên kết bất đối xứng có thể có của chất lượng thể chế đối với doanh thu du lịch quốc tế trong ngắn hạn và dài hạn thông qua phân tách hệ số dương và âm của các biến độc lập. Theo nghiên cứu của Khan và cộng sự (2020, tr.1223), Awan và cộng sự (2023, tr.127), mô hình NARDL tổng quát được xây dựng có dạng như sau:

$$\begin{aligned} \Delta y_{it} = & \beta_{0i} + \beta_{1i}y_{t-1} + \beta_{2i}^+x_{t-1}^+ + \beta_{2i}^-x_{t-1}^- + \beta_{3i}^+\delta_{t-1}^+ + \beta_{3i}^-\delta_{t-1}^- + \sum_{j=1}^{N1} \pi_{ij}\Delta y_{i,t-j} \\ & + \sum_{j=0}^{N2} (\omega_{ij}^+\Delta x_{i,t-j}^+ + \omega_{ij}^-\Delta x_{i,t-j}^-) + \sum_{j=0}^{N3} (\gamma_{ij}^+\delta_{i,t-j}^+ + \gamma_{ij}^-\delta_{i,t-j}^-) + \phi_i + \varepsilon_{it} \end{aligned} \quad (1)$$

Trong đó,  $y$  đại diện cho log của doanh thu du lịch quốc tế cho quốc gia  $i$  tại thời điểm  $t$ ,  $x$  đại diện cho chất lượng thể chế,  $\delta$  đại diện log của các biến kiểm soát và  $\varepsilon_{it}$  là sai số ngẫu nhiên. Bên cạnh đó,  $x^+$  và  $x^-$  lần lượt biểu thị sự cải thiện và suy giảm của chất lượng thể chế. Những thay đổi này của thể chế được ước tính dựa trên tổng các thay đổi chất lượng thể chế dương và âm, như mô hình dưới đây:

$$x^+ = \sum_{k=1}^t \Delta x_{ik}^+ = \sum_{k=1}^t \max(\Delta x_{ik}, 0) \quad (2)$$

$$x^- = \sum_{k=1}^t \Delta x_{ik}^- = \sum_{k=1}^t \max(\Delta x_{ik}, 0) \quad (3)$$

Đồng thời, khi có sự tồn tại của đồng liên kết, phương trình điều chỉnh sai số (ECT) thể hiện mối quan hệ dài hạn giữa các biến được thiết lập như sau:

$$\begin{aligned} \Delta y_{it} = & \theta_i \rho_{i,t-1} + \sum_{j=1}^{N1} \pi_{ij}\Delta y_{i,t-j} + \sum_{j=0}^{N2} (\omega_{ij}^+\Delta x_{i,t-j}^+ + \omega_{ij}^-\Delta x_{i,t-j}^-) + \\ & \sum_{j=0}^{N3} (\gamma_{ij}^+\delta_{i,t-j}^+ + \gamma_{ij}^-\delta_{i,t-j}^-) + \phi_i + \varepsilon_{it} \end{aligned} \quad (4)$$



Trong mô hình phi tuyến tính ARDL,  $\rho_{i,t-1}$  điều chỉnh sai số để ước tính trạng thái cân bằng dài hạn, trong khi tham số  $\theta_i$  điều chỉnh tốc độ để đo lường thời gian hội tụ về trạng thái cân bằng dài hạn khi có bất kỳ cú sốc nào xảy ra.

### 2.3. Kết quả và thảo luận

#### 2.3.1 Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị

**Bảng 3: Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị**

Các biến	Levin-Lin-Chu		Im, Pesaran và Shin	
	Bậc gốc	Sai phân 1	Bậc gốc	Sai phân 1
lnITR	-3.2407 ***	-	-3.8266 ***	-
RQ	-1.8039 **	-	0.0984	-5.4592 ***
GE	0.8437	-8.3489 ***	1.1603	-7.1267 ***
CC	-2.0846 **	-	-0.8110	-5.2317 ***
PV	-3.5688 ***	-	-2.1420 **	-
RL	-1.4202	-4.7208 ***	-0.0001	-5.4384 ***
VA	-3.0041 ***	-	-1.6879 **	-
lnREER	-2.6894 ***	-	-0.5851	-5.3468 ***
lnTrade	-4.1147 ***	-	-0.9269	-6.5551 ***
lnGDP	-5.8160 ***	-	-3.4481 ***	-

Ghi chú: \*\*, \*\*\* lần lượt tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 5%, 1%.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Đối với bảng dữ liệu có chuỗi thời gian lớn, cần phải tìm nghiệm đơn vị trước khi ước tính sự đồng liên kết giữa các biến. Các kiểm định nghiệm đơn vị cho dữ liệu bảng thường được chia thành hai nhóm chính. Nhóm đầu tiên bao gồm các kiểm định gốc thể hệ đầu tiên phù hợp với dữ liệu bảng không cân bằng theo Levin-Lin-Chu (2002, tr.1); Im, Pesaran, Shin (2003, tr.53) và nhóm còn lại là kiểm định gốc thể hệ thứ hai đối với dữ liệu bảng cân bằng, tính đến sự phụ thuộc theo mặt cắt ngang Pesaran (2007, tr.265). Dựa trên lý thuyết chung đã được đề cập, nghiên cứu này ứng dụng hai kiểm định của Levin-Lin-Chu (2002, tr.1) và Im, Pesaran, Shin (2003, tr.53) để xác định tính dừng của các biến trong mô hình. Kết quả của bảng 3 cho thấy các biến đều dừng lần lượt ở bậc gốc  $I(0)$  hay sai phân một  $I(1)$ , không có biến nào có nghiệm đơn vị ở sai phân 2.

**Bảng 4: Kết quả kiểm định đồng liên kết**

Kiểm định	Hệ số	Giá trị thống kê
Modified Phillips-Perron	2.8005	0.0026
Phillips Perron	-2.6051	0.0046
ADF	-3.2659	0.0005

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả



Bảng 4 trình bày kết quả kiểm tra tính đồng liên kết của biến phụ thuộc với các biến độc lập trong mô hình. Kiểm định Pedroni được sử dụng cho thấy có mối quan hệ đồng liên kết mạnh mẽ giữa các biến.

**Bảng 5: Kết quả kiểm định phi tuyến tính NARDL**

Các biến	Trong dài hạn	Trong ngắn hạn
	lnITR	lnITR
RQ_dương	1.076** (0.48)	-1.3155 (1.04)
RQ_âm	1.103 (0.97)	2.922 (2.44)
GE_dương	2.014 ** (0.82)	-0.570 (0.52)
GE_âm	-3.972 *** (1.30)	0.478 (1.01)
CC_dương	5.287 *** (1.36)	-0.955 (0.94)
CC_âm	-5.364 *** (1.62)	1.687 ** (0.86)
PV_dương	3.132 *** (0.80)	-0.079 (0.26)
PV_âm	-1.918 * (1.08)	1.088 * (0.61)
RL_dương	0.023 (1.57)	-1.159 (2.43)
RL_âm	-4.029 * (2.09)	3.221 (2.24)
VA_dương	2.391 (1.67)	-0.645 (2.47)
VA_âm	15.736 *** (4.18)	-1.005 (1.99)
LnREER	6.774 *** (1.37)	2.123 ** (0.86)
lnTrade	3.523 *** (0.75)	-1.454 *** (0.49)
lnGDP	3.560 *** (0.57)	-0.294 (0.69)

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* lần lượt tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 10%, 5%, 1%.

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả*

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 5 xác nhận tác động bất đối xứng của các chỉ số: Hiệu quả chính phủ, Kiểm soát tham nhũng, Ổn định chính trị và không có bạo lực, Tiếng nói và trách nhiệm giải trình. Cụ thể, kết quả cho thấy tác động phần dương của biến GE là 2.014 cùng sai số chuẩn là 0.82 với ý nghĩa khi hiệu quả chính phủ tăng lên



1% thì sẽ làm tăng doanh thu du lịch lên 2.014%. Mặt khác, biến GE\_âm tuy có sai số chuẩn ở mức vừa phải 1.30 nhưng thấp hơn giá trị của hệ số hồi quy và có ý nghĩa thống kê cao cho thấy độ chính xác của ước lượng là hợp lý. Cụ thể, hệ số -3.972 có nghĩa rằng khi hiệu quả chính phủ yếu đi (GE\_âm tăng 1%), doanh thu du lịch sẽ giảm 3.972% trong dài hạn. Sai số chuẩn của các hệ số trong dài hạn không quá lớn và cả hai biến đều có ý nghĩa thống kê, cho thấy các ước lượng trong dài hạn ổn định và đáng tin cậy.

Tương tự, kết quả của kiểm soát tham nhũng CC\_dương và CC\_âm trong dài hạn đều có ý nghĩa thống kê cao với sai số chuẩn ở mức tương đối thấp lần lượt là 1.36 và 1.62 đảm bảo rằng các ước lượng dài hạn có độ tin cậy cao. Điều này cho thấy các thay đổi tích cực và tiêu cực của kiểm soát tham nhũng tạo ra tác động bất đối xứng lên doanh thu từ du lịch, với cường độ và hướng tác động khác nhau. Trong ngắn hạn, kiểm soát tham nhũng đồng thời có tác động bất đối xứng thể hiện rõ khi CC\_âm có ý nghĩa thống kê tại mức 5% với hệ số dương, sai số chuẩn ở mức trung bình lớn cho thấy tác động ngắn hạn của CC\_âm đến biến phụ thuộc là đáng kể nhưng không ổn định bằng so với các hệ số dài hạn. Cụ thể, kết quả có ý nghĩa rằng khi mức độ kiểm soát tham nhũng giảm, doanh thu du lịch có xu hướng tăng nhưng khi càng tăng cường kiểm soát tham nhũng thì doanh thu du lịch lại không thay đổi đáng kể. Điều này có thể lý giải rằng trong ngắn hạn, một số du khách có thể không ngay lập tức có phản ứng tiêu cực trước những thay đổi bất lợi về chất lượng thể chế, nhất là khi đã có kế hoạch đi du lịch từ trước (Enders, Sandler và Parise, 1992), dẫn đến hiện tượng tạm thời là doanh thu du lịch không giảm ngay lập tức khi kiểm soát tham nhũng suy giảm. Bên cạnh đó, nghiên cứu của (Dutt & Traça, 2010, tr.843) còn cho rằng ảnh hưởng của tham nhũng đến du lịch không nhất thiết phải là tiêu cực.

Chỉ số ổn định chính trị và không có bạo lực cho thấy kết quả phi tuyến tính khi trong dài hạn PV\_dương và PV\_âm cho thấy sự co giãn trong dài hạn của doanh thu du lịch theo mức độ ổn định chính trị và không có bạo lực. Điều này chỉ ra khi tăng cường ổn định chính trị, doanh thu du lịch tăng đáng kể, trong khi càng bất ổn chính trị lại không có tác động giảm doanh thu du lịch một cách rõ rệt. Sai số chuẩn của PV\_dương khá nhỏ (0.80) cho thấy rằng tác động tích cực của của ổn định chính trị lên doanh thu du lịch trong dài hạn là đáng tin cậy và ổn định. Hệ số hồi quy của PV\_âm là -1.918 với sai số chuẩn lớn (1.08) đã làm giảm độ tin cậy trong việc khẳng định tác động tiêu cực của PV\_âm trong dài hạn. Ở một bối cảnh khác, không có dấu hiệu bất đối xứng rõ rệt giữa sự gia tăng và giảm sút ổn định chính trị đến doanh thu từ du lịch trong ngắn hạn, tương thích với nghiên cứu của Enders, Sandler và Parise (1992).

Đối với tiếng nói và trách nhiệm giải trình, kết quả trong dài hạn cho thấy mối quan hệ bất đối xứng của biến VA\_âm đến biến phụ thuộc. Cho thấy rằng khi vấn đề



tiếng nói và trách nhiệm giải trình càng kém đi, doanh thu du lịch tăng đáng kể 15.736%. Đây là một kết quả bất ngờ trong bối cảnh thông thường, vì phản hồi tiêu cực thường được kỳ vọng là ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu. Biến VA\_âm có ý nghĩa thống kê cao với hệ số hồi quy lớn 15.736 và sai số chuẩn trong dài hạn là 4.18, cho thấy rằng, bất chấp sai số chuẩn lớn, tác động của VA\_âm trong dài hạn là đáng kể và khó bác bỏ về mặt thống kê. Tuy nhiên, giá trị sai số chuẩn lớn có thể phản ánh sự biến động hoặc không đồng nhất trong dữ liệu liên quan đến yếu tố VA\_âm giữa các quốc gia hoặc theo thời gian.

Bên cạnh đó, các biến kiểm soát Tỷ giá hối đoái, Thương mại quốc tế và Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người đóng vai trò quan trọng trong việc làm tăng tính chính xác và độ tin cậy của kết quả phân tích.

### **3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Nghiên cứu này đã làm sáng tỏ tác động bất đối xứng của chất lượng thể chế đến doanh thu du lịch tại 10 quốc gia thành viên ASEAN giai đoạn 2002 - 2022 bằng phương pháp tiếp cận NARDL. Kết quả nghiên cứu chỉ ra Hiệu quả chính phủ, Kiểm soát tham nhũng, Ổn định chính trị và không có bạo lực, Tiếng nói và trách nhiệm giải trình có tác động bất đối xứng đến nguồn thu du lịch trong dài hạn.

Vì vậy, để khai thác triệt để tiềm năng của ngành du lịch, các quốc gia ASEAN cần thực hiện loạt biện pháp nhằm cải thiện chất lượng thể chế và thu hút du khách quốc tế.

Thứ nhất, cần tập trung vào việc thiết lập luật pháp minh bạch, nâng cao chất lượng quản lý hành chính; từ đó tạo dựng hình ảnh tích cực và tin cậy cho quốc gia. Tăng cường kiểm soát tham nhũng và xây dựng cơ chế xử phạt nghiêm khắc đối với những vi phạm, giúp ngăn ngừa tình trạng này trong đội ngũ cán bộ. Việc trong sạch hoá bộ máy công quyền góp phần giảm bớt các rào cản, giúp đơn giản hoá thủ tục hành chính, ví dụ như cấp visa, cấp lại căn cước công dân,... tạo điều kiện thuận lợi cho du khách và cả doanh nghiệp du lịch.

Thứ hai, các chính phủ cần chú trọng vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ công, nhằm cải thiện trải nghiệm của du khách. Việc mở rộng và đầu tư vào cơ sở hạ tầng, khai thác các nguồn tài nguyên du lịch mới không chỉ giúp bảo vệ khu du lịch vốn có mà còn giúp mở rộng thêm các địa điểm du lịch mới hấp dẫn du khách hơn.

Thứ ba, ASEAN cần phát huy vai trò của mình trong việc tạo dựng một mạng lưới du lịch chung giữa các quốc gia thành viên. Chính phủ các nước nên phối hợp để quảng bá các di sản văn hóa và thiên nhiên được UNESCO công nhận, đồng thời xây dựng các tour du lịch xuyên biên giới nhằm tạo ra trải nghiệm liền mạch cho du khách. Việc kết nối các điểm đến như Campuchia, Việt Nam, Thái Lan và Lào sẽ không chỉ gia tăng sự đa dạng của sản phẩm du lịch mà còn góp phần vào tăng trưởng kinh tế toàn khu vực. Đồng thời, các quốc gia thành viên nên tăng cường hợp tác khu vực



trong lĩnh vực an ninh, đồng thời cải thiện quan hệ ngoại giao song phương với các đối tác chiến lược. Việc xây dựng hình ảnh quốc gia ổn định và an toàn không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro từ các cuộc khủng hoảng chính trị mà còn tạo ra sự tin cậy dài hạn đối với các du khách.

Cuối cùng, các quốc gia cần chú trọng đến việc giáo dục ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội. Việc nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của ngành du lịch trong phát triển kinh tế sẽ giúp tạo ra môi trường du lịch thân thiện và văn minh hơn. Một cộng đồng địa phương cởi mở, hiếu khách sẽ là yếu tố quan trọng để tạo dựng ấn tượng tích cực và giữ chân du khách.

#### 4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Adedoyin, F. F., Erum, N., & Bekun, F. V. (2022), "How does institutional quality moderates the impact of tourism on economic growth? Startling evidence from high earners and tourism-dependent economies." *Tourism Economics*, 28(5), pp.1311-1332.
- [2] Aini, Y. N. (2024), "Sustainable tourism in Southeast Asia: Balancing economic growth, employment, and carbon emissions through evidence-based strategies." *Jurnal Kepariwisata Indonesia: Jurnal Penelitian dan Pengembangan Kepariwisata Indonesia*, 18(1), pp.157-174.
- [3] Awan, A., Rahman, S. U., Ali, M., & Zafar, M. (2023), "Institutional Performance and Tourism Arrival Nexus in BRICS Countries: Evidence from Nonlinear ARDL Cointegration Approach." *iRASD Journal of Economics*, 5(1), pp.127-139.
- [4] Coroş, M. M., & Manuela, L. U. P. U. (2015), "Is the legal framework of tourism a supporting or a hindering factor in the case of romania?" *Contemporary legal and economic issues v*, pp.395.
- [5] Demir, E., & Gozgor, G. (2019), "Does freedom of the press enhance inbound tourism?" *Current Issues in Tourism*, 22(20), pp.2550-2565.
- [6] Detotto, C., Giannoni, S., & Goavec, C. (2021), "Does good governance attract tourists?" *Tourism Management*, 82, pp.104155.
- [7] Dixit, A. K. (2004), *Lawlessness and economics: Alternative modes of governance* (Vol. 1). Princeton University Press.
- [8] Dritsakis, N. (2012), "Tourism development and economic growth in seven Mediterranean countries: A panel data approach." *Tourism Economics*, 18(4), pp.801-816.
- [9] Du, D., Lew, A. A., & Ng, P. T. (2016), "Tourism and economic growth." *Journal of travel research*, 55(4), pp.454-464.
- [10] Dutt, P., & Traca, D. (2010), "Corruption and bilateral trade flows: extortion or evasion?" *The Review of Economics and Statistics*, 92(4), pp.843-860.



- [11] Emara, N., & Chiu, I. (2016), "The impact of the governance environment on economic growth: The case of Middle Eastern and North African countries." *Journal of Economics Library*, 3(1), pp.24-37.
- [12] Enders, W., Sandler, T., & Parise, G. F. (1992), "An econometric analysis of the impact of terrorism on tourism" *Kyklos*, 45(4).
- [13] Ennin, I. B. (2020), "International Tourists Arrivals in Africa: Do Issues of Good Governance Matter?" *African Economic Research consortium*.
- [14] Fabro, G., & Aixalá, J. (2009), "Economic growth and institutional quality: Global and income level analyses." *Journal of economic issues*, 43(4), pp.997-1023.
- [15] Ghalia, T., Fidmuc, J., Samargandi, N., & Sohag, K. (2019), "Institutional quality, political risk and tourism." *Tourism Management Perspectives*, 32, pp.100576.
- [16] Gozgor, G., Lau, C. K. M., Zeng, Y., & Lin, Z. (2019), "The effectiveness of the legal system and inbound tourism." *Annals of Tourism Research*, 76, pp.24-35.
- [17] Hall, C. M., & O'Sullivan, V. (1996), "Tourism, political stability and violence." *Tourism, crime and international security issues*, pp.105-121.
- [18] Ibitoye, O. J., & Kleynhans, E. P. (2023), "Influence of institutional quality, foreign direct investment and international trade on tourism inflow, South Africa." *Acta Commerci*, 23(1), pp.1-12.
- [19] Im, K. S., Pesaran, M. H., & Shin, Y. (2003), "Testing for unit roots in heterogeneous panels." *Journal of econometrics*, 115(1), pp.53-74.
- [20] Jadhav, P. (2012), "Determinants of foreign direct investment in BRICS economies: Analysis of economic, institutional and political factors." *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 37, pp.5-14.
- [21] Khan, Muhammad Asif et al. (2020), "Asymmetric impact of institutional quality on tourism inflows among selected Asian Pacific countries." *Sustainability*, 12(3), pp.1223.
- [22] Khandaker, S., & Islam, S. Z. (2017), "International tourism demand and macroeconomic factors." *International Journal of Economics and Financial Issues*, 7(5), pp.389.
- [23] Leff, N. H. (1964), "Economic development through bureaucratic corruption." *American behavioral scientist*, 8(3), pp.8-14.
- [24] Levin, A., Lin, C. F., & Chu, C. S. J. (2002), "Unit root tests in panel data: asymptotic and finite-sample properties." *Journal of econometrics*, 108(1), pp.1-24.
- [25] Mushtaq, R., Thoker, A. A., & Bhat, A. A. (2021), "Does institutional quality affect tourism demand? Evidence from India." *Journal of Hospitality and Tourism Insights*, 4(5), pp.622-638.
- [26] Neumayer, E. (2004), "The impact of political violence on tourism: Dynamic cross-national estimation." *Journal of conflict resolution*, 48(2), pp.259-281.
- [27] North, D. (1990), *Institutions, institutional change, and economic performance*. New York, NY: Cambridge University Press.



- [28] Pablo-Romero, M. D. P., & Molina, J. A. (2013), "Tourism and economic growth: A review of empirical literature." *Tourism management perspectives*, 8, pp.28-41.
- [29] Pesaran, M. H. (2007), "A simple panel unit root test in the presence of cross-section dependence." *Journal of applied econometrics*, 22(2), pp.265-312.
- [30] Saha, S., & Yap, G. (2015), "Corruption and tourism: An empirical investigation in a non-linear framework." *International Journal of Tourism Research*, 17(3), pp.272-281.
- [31] Schotter, A. (2008), *The economic theory of social institutions*. Cambridge Books.
- [32] Shams, S. R. (2016), "Branding destination image: A stakeholder causal scope analysis for internationalisation of destinations." *Tourism Planning & Development*, 13(2), pp.140-153.
- [33] Shams, S. R. (2016), "Capacity building for sustained competitive advantage: a conceptual framework." *Marketing Intelligence & Planning*, 34(5), pp.671-691.
- [34] Shams, S. R. (2016), "Sustainability issues in transnational education service: A conceptual framework and empirical insights." *Journal of Global Marketing*, 29(3), pp.139-155.
- [35] Shams, S. R. (2017), "Transnational education and total quality management: a stakeholder causal scope analysis." *International Journal of Educational Management*, 31(4), pp.874-889.
- [36] Shin, Y., Yu, B., & Greenwood-Nimmo, M. (2014), "Modelling asymmetric cointegration and dynamic multipliers in a nonlinear ARDL framework", *Festschrift in honor of Peter Schmidt*, pp. 281-314.
- [37] Tang, C. F. (2018), "The impacts of governance and institutions on inbound tourism demand: evidence from a dynamic panel data study", *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, 23(10), pp.1000-1007.
- [38] Trâm, N. H. M., & Ngọc, B. H. (2022), "Phát triển tài chính, tăng trưởng kinh tế và chất lượng thể chế ở các nước khu vực Đông Nam Á", *In Proceeding*, tr.23-35.
- [39] UNWTO. (2019), "Tourism and employment: An economic contribution." UNWTO Report, <https://wttc.org/research/economic-impact>, truy cập 29/11/2024.
- [40] Wang, X., & Li, J. (2018), "Tourism, institutional quality and economic growth." *Sustainability*, 10(8), pp.2651.
- [41] WTTC. (2019), *Economic Impact Research*, <https://wttc.org/research/economic-impact>, truy cập 29/11/2024.
- [42] Xue, L., & Wang, Z. (2015), "Tourism development and economic growth in China: Evidence from co-integration and causality tests." *Tourism Economics*, 21(4), pp.789-807.
- [43] Yap, G., & Saha, S. (2013), "Do political instability, terrorism, and corruption have deterring effects on tourism development even in the presence of UNESCO heritage? A cross-country panel estimate", *Tourism Analysis*, 18(5), pp.587-599.



## KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

**Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa  
ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

### NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

**Địa chỉ: Trụ sở:** D29 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Chi nhánh:** 145 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** 024 2214 7815 (Phòng Phát hành)

**Website:** [nxbthanhnien.vn](http://nxbthanhnien.vn)

**Email:** [info@nxbthanhnien.vn](mailto:info@nxbthanhnien.vn)

**Hỗ trợ trực tuyến:** 0904 558 369

*Chịu trách nhiệm xuất bản về nội dung:*

*Giám đốc - Tổng biên tập*

**Lê Thanh Hà**

*Biên tập và sửa bản in:*

**Nguyễn Văn Hải**

*Chế bản và Thiết kế bìa:*

**Lương Thế Anh**

---

In 200 cuốn, khổ 19x27cm tại Công ty TNHH Kiều Tiến

Địa chỉ: Số 2D Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Xác nhận đăng ký xuất bản số 4801-2024/CXBIPH/33-156/TN

Quyết định xuất bản số 2893/QĐXB/NXB TN - ngày 06 tháng 12 năm 2024

ISBN 978-604-41-5596-8

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2024